

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Văn Đánh;
 2. Bà Bùi Thu Hảo;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh TG tham gia phiên tòa:* Ông Mai Hùng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2021/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Hoàng Th, sinh năm: 1970; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 22 LTD, khu phố M, phường H, thị xã GC, tỉnh TG;
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm: 1973; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 22 LTD, khu phố M, phường h, thị xã GC, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2021, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phạm Hoàng Th trình bày:

Anh và chị Thúy xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã GC, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 23 tháng 4 năm 2004. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, chị Th làm nợ nhiều lần, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân nhau. Do hiện tại tình cảm không còn anh Th yêu cầu ly hôn với chị Thúy.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Hoàng M, sinh ngày 24/5/2005, Phạm Hoàng Trang, sinh ngày 22/7/2006 và Phạm Hoàng Nhứt Ch, sinh ngày 27/9/2010. Khi ly hôn anh Th yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị Thúy cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Th.

Về án phí: Anh Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Th hiện đang cư trú tại phường 2, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Th có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị Th vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Anh Th chung sống với chị Th từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã GC, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 23 tháng 4 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân của anh và chị là hợp pháp.

Thời gian chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Th làm nợ nhiều lần, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Đối với bị đơn chị Th từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy chị Th không có Thận chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Th và chị Thúy đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà anh Th và chị Th cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Th là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị Thúy.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Hoàng M, sinh ngày 24/5/2005, Phạm Hoàng Tr, sinh ngày 22/7/2006 và Phạm Hoàng Nhứt Ch, sinh ngày 27/9/2010, hiện đang sống chung với anh Th. Khi ly hôn anh Th yêu cầu nuôi 03 con chung, chị Thúy không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại anh Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (Có xác nhận của chính quyền địa phương); cháu M, cháu Tr và cháu Ch cũng có nguyện vọng được sống chung với anh Th. Do đó giao cháu M, cháu Trang và cháu Ch cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh TG phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng Th. Anh Phạm Hoàng Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Th.

2. Về con chung: Anh Phạm Hoàng Th được trực tiếp nuôi 03 con chung tên Phạm Hoàng M, sinh ngày 24/5/2005, Phạm Hoàng Tr, sinh ngày 22/7/2006 và Phạm Hoàng Nhứt Ch, sinh ngày 27/9/2010.

Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không có yêu cầu.

Chị Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Phạm Hoàng Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019442 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Th hành án dân sự thị xã GC, tỉnh TG. Như vậy, anh Th đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TG xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND phường 2, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa